

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HCM (HDB - HOSE)

“Vững vàng trước rủi ro”

KHẢ QUAN

Lê Quang Trung

Email: trung.lequang@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành:	Ngân hàng
Ngày báo cáo:	25/07/2023
Giá hiện tại (VND/CP):	17.250
Giá mục tiêu (VND/CP):	19.400
Tỷ lệ tăng (%):	12,5%
Vốn hóa (Tỷ VND):	52.500
SLCPDLH (CP):	2.892.550.610

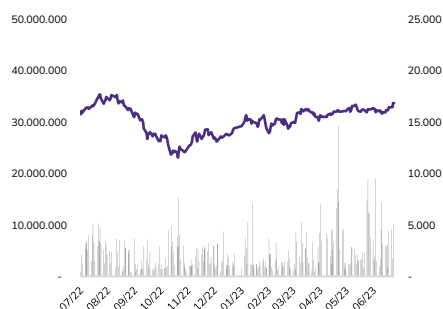
CHỈ SỐ QUAN TRỌNG

Mã cổ phiếu	HDB	Ngành
P/E	6,26	9,43
P/B	1,28	1,63
ROE	20,79%	19,35%
ROA	1,91%	1,71%

KQKD (tỷ đồng)	2022	3T/2023
Thu nhập lãi thuần	41.021	9.534
Tổng thu nhập hoạt động	57.797	12.359
LNTT	21.220	2.550
NIM (%)	7,50%	6,25%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán, ABS tổng hợp

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

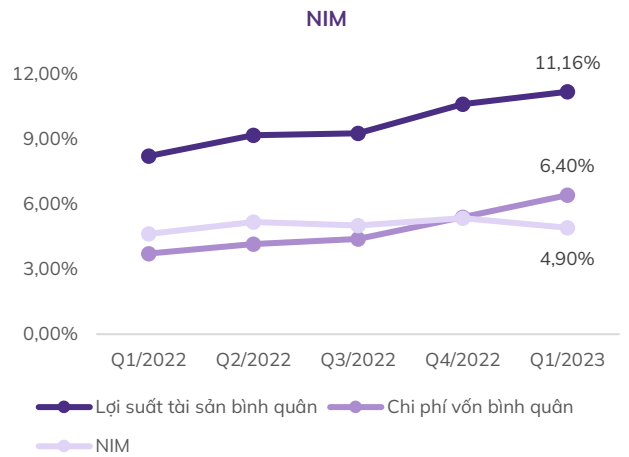
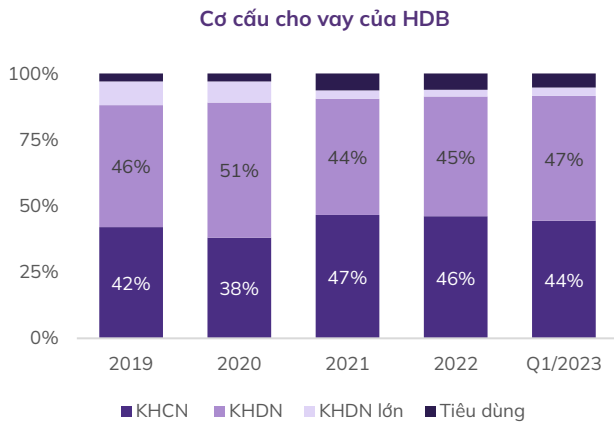
Luận điểm đầu tư

- Trong Q1/2023, HDB ghi nhận LNTT đạt 2.743 tỷ đồng (+8,5% svck), xếp thứ 10 trong toàn ngành do NIM sụt giảm, chi phí tín dụng và CIR gia tăng.
- Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng tăng nhẹ trong Q1/2023 lên 1,85% (tăng 18 điểm cơ bản so với cuối năm 2022). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu sụt giảm chỉ còn 61,7% (giảm 8,7 điểm phần trăm so với cuối năm 2022).
- Chúng tôi cho rằng triển vọng lợi nhuận của HDB trong năm 2023 sẽ được hỗ trợ bởi những yếu tố sau:**
 - Tín dụng dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với lợi thế cơ cấu tín dụng lành mạnh cùng với hệ số CAR vững mạnh.
 - NIM cải thiện nhờ lãi suất cho vay bán lẻ duy trì ở mức cao.
 - CIR tiếp tục giảm nhờ cải thiện quản lý chi phí hoạt động.
- Chúng tôi dự phóng LNTT năm 2023 của HDB đạt 12.346 tỷ đồng với BVPS 2023F là 16.155 đ/cp. HDB đang giao dịch với P/B 2023F là 1.0x.
- Giá mục tiêu là 19.400 đ/cp tương ứng P/B 2023F ở mức 1,2x lần, và tiềm năng tăng giá 12,5% từ giá hiện tại. Do đó, chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** với HDB.
- Rủi ro giảm giá:** Tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn dự kiến.
- Cơ hội tăng giá:** Việc hợp đồng bancassurance với Dai-ichi life đã kết thúc trong năm 2021 sẽ mở ra cơ hội cho ngân hàng có thể ký kết thỏa thuận độc quyền với một công ty bảo hiểm nhân thọ trong thời gian tới, giúp tăng thu nhập từ bancassurance và giúp ngân hàng ghi nhận thêm được một khoản phí trả trước.

(Tỷ VND,%)	2019	2020	2021	2022	2023F
Tổng thu nhập hoạt động	11.388	13.779	16.758	21.967	26.023
LNTT	5.018	5.818	8.070	10.268	12.346
% svck	25,3%	15,9%	38,7%	27,2%	20,2%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18,8%	21,9%	14,0%	29,8%	26,6%
Tăng trưởng huy động vốn (%)	5,6%	38,4%	8,2%	15,0%	26,9%
ROE (%)	20,8%	20,2%	23,3%	23,5%	23,2%
NIM (%)	4,74%	4,62%	4,29%	5,00%	5,24%
CIR (%)	44,6%	44,8%	38,1%	39,3%	37,8%
NPL (%)	1,36%	1,32%	1,65%	1,67%	2,08%
LLCR (%)	81,4%	82,1%	73,0%	70,4%	61,2%
BVPS (VND)	19.762	14.671	14.768	14.847	16.155
P/B (x)	1,37	0,85	1,38	0,89	1,07

Cập nhật doanh nghiệp

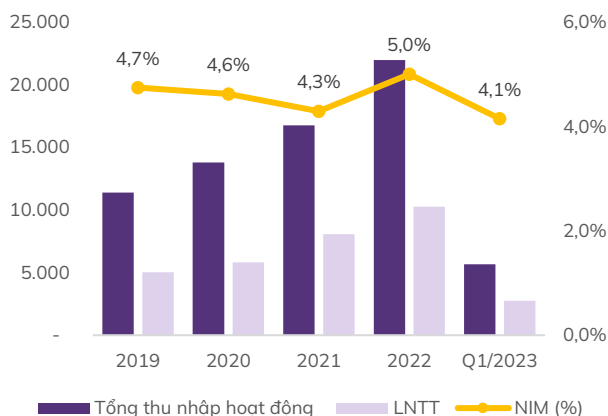
- Kết quả kinh doanh Q1/2023 khởi sắc** với tổng thu nhập hoạt động đạt 5.657 tỷ đồng (+10,4% svck) và lợi nhuận trước thuế đạt 2.743 tỷ đồng (+8,5% svck) chỉ đứng thứ 10 về tổng thu nhập hoạt động và thứ 8 về LNTT trong số các ngân hàng niêm yết.
- Thu nhập lãi thuần (NII)** đạt 4.840 tỷ đồng, tăng 19,7% svck, chiếm 85,6% tổng thu nhập Q1/2023. Hoạt động cho vay đóng góp chính vào cơ cấu của thu nhập lãi với giá trị đạt 9.026 tỷ đồng (+59,3% svck) chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:
 - Tăng trưởng tín dụng ở mức cao so với ngành.** HDB ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng đạt 9% trong 3 tháng đầu năm 2023, cao hơn so với trung bình ngành ở mức 2,06%. Danh mục cho vay của ngân hàng đang tập trung chủ yếu ở phân khúc SMEs và tiêu dùng chiếm 52,6% tổng dư nợ của ngân hàng. Trong đó, nhóm ngành liên quan tới hộ gia đình đang là nhóm ngành có dư nợ cho vay lớn nhất trong cơ cấu tín dụng của ngân hàng với giá trị đạt 98.538 tỷ đồng (chiếm 34,2% cơ cấu tổng dư nợ).
 - NIM giảm xuống mức 4,9%**, giảm 44 điểm cơ bản so với Q4/2022 do chi phí vốn gia tăng +1,01 điểm phần trăm lên mức 6,4% (năm 2022 đạt 4,4% và Q1/2022 đạt 3,71%) do tác động của môi trường lãi suất cao trong khi tỷ suất sinh lời bình quân chỉ tăng +57 điểm cơ bản so với Q4/2022 lên 11,16%.
 - Bên cạnh đó, tổng huy động trong Q1/2023 của ngân hàng tăng trưởng mạnh hơn so với tín dụng, đạt +17,7% sv đầu năm, cao hơn so với mức tăng toàn ngành 0,77%. Tỷ lệ LDR thuần của ngân hàng hiện ở mức 94,3%, giảm so với mức 101,5% của năm 2022.



Nguồn: HDB, ABS Research

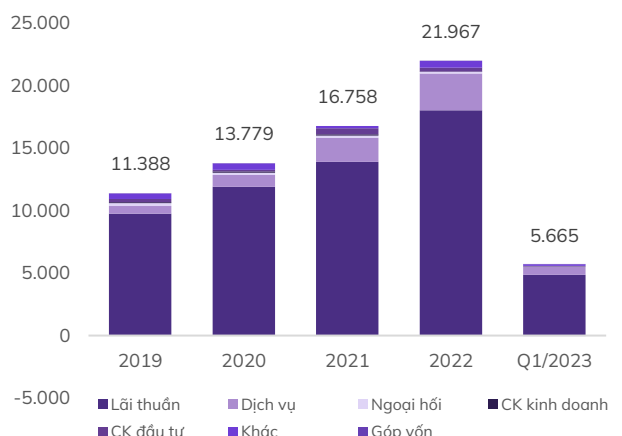
- Thu nhập ngoài lãi (NOII) sụt giảm mạnh** -24% svck, đạt 817 tỷ đồng. Hoạt động ngoài lãi sụt giảm chủ yếu do thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư chỉ đạt 24 tỷ đồng (-92,2% svck). Bên cạnh đó, thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối cũng sụt giảm ghi nhận âm -50 tỷ đồng (cùng kỳ đạt 23 tỷ đồng). Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh còn lại ghi nhận hồi phục với thu nhập từ phí đạt 677 tỷ đồng (+11,3% svck), hoạt động khác đạt 131,6 tỷ đồng (+33,5 % svck).

Tổng thu nhập hoạt động – LNTT giai đoạn 2019 –2023

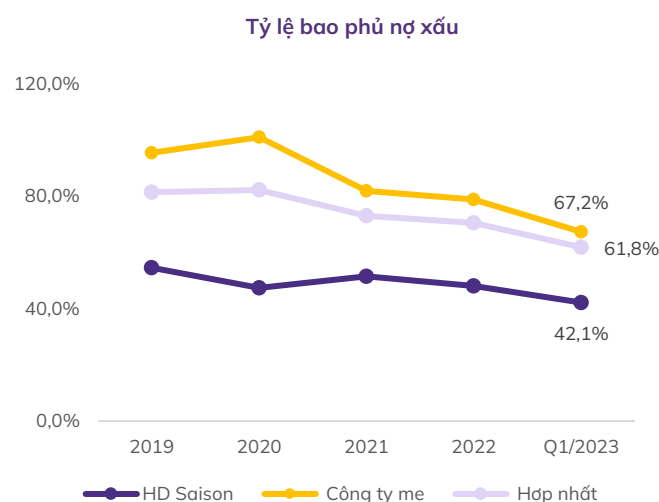
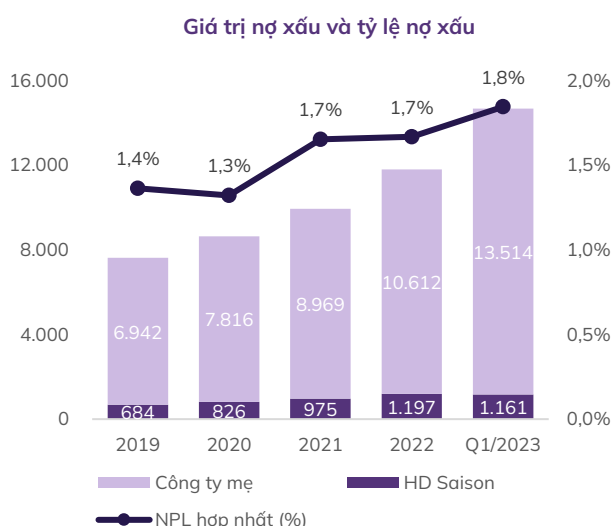


Cơ cấu tổng thu nhập của HDB 2019 -2023

Đơn vị: Tỷ đồng



- **Chi phí vận hành được quản lý tốt hơn.** CIR của ngân hàng trong Q1/2023 đạt 34,6% giảm 10,9 điểm phần trăm so với cuối năm 2022 và giảm 3 điểm phần trăm so với Q1/2022. CIR giảm chủ yếu tới từ các chi phí cho nhân viên ghi nhận giảm 6,8% svck đạt 1.182 tỷ đồng do số lượng cán bộ nhân viên trong Q1/2023 giảm 0,3% chỉ còn 16.270 người.
- **Chi phí trích lập dự phòng duy trì ở mức cao trước các rủi ro từ nợ xấu.** Chi phí trích lập dự phòng của ngân hàng hợp nhất trong Q1/2023 ghi nhận 956 tỷ đồng (+42,8% svck). Trong đó, chi phí dự phòng của ngân hàng mẹ đạt 291 tỷ đồng (+192,2% svck), chiếm 30,4% tổng chi phí dự phòng hợp nhất.
- **Tỷ lệ CASA giảm theo xu hướng chung của cả ngành, đạt 7,8%, giảm 2,9 điểm phần trăm so với cuối năm 2022 và giảm 4,8 điểm phần trăm svck do giá trị tiền gửi không kỳ hạn trong kỳ sụt giảm chỉ còn 45 nghìn tỷ đồng (-15,8% so với cuối năm 2022) trong khi tiền gửi có kỳ hạn đạt 230 nghìn tỷ đồng (+19,5% so với cuối năm 2022).**
- **Nợ xấu tăng nhẹ.** Tỷ lệ nợ xấu trong Q1/2023 của ngân hàng đã tăng lên 1,85% (tăng 18 điểm cơ bản so với cuối năm 2022). Trong đó, tăng mạnh nhất là nợ nhóm 3 với giá trị đạt 2.687 tỷ đồng (+45,4% so với cuối năm 2022) rồi đến nợ nhóm 5 ghi nhận tăng 8% so với cuối năm 2022 đạt 1.229 tỷ đồng. Giá trị nợ xấu gia tăng chủ yếu tại ngân hàng mẹ với giá trị cuối kỳ 4.164 tỷ đồng (+29,8% so với cuối năm 2022), giá trị nợ xấu của HD Saison ghi nhận giảm trong kỳ chỉ còn 1.161 tỷ đồng (-3% so với cuối năm 2022). Trong Q1/2023, ngân hàng đã dùng 768 tỷ đồng xóa nợ xấu (+77,1% svck). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống 61,7% (giảm 8,7 điểm phần trăm so với cuối năm 2022).

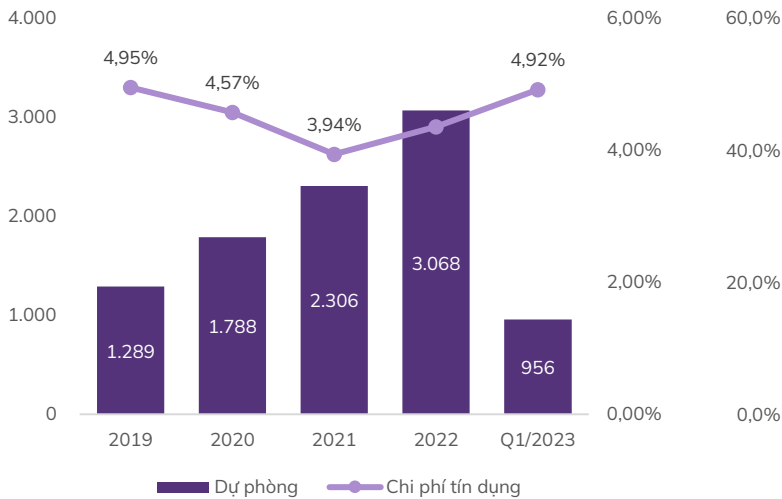


Nguồn: HDB, ABS Research

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2023

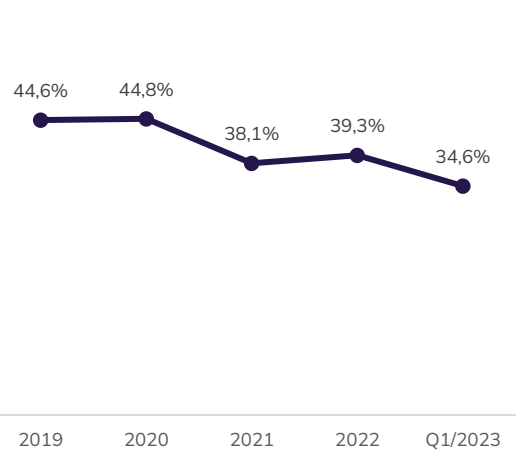
- **Tín dụng dự kiến sẽ tăng trưởng tốt.** HDB hiện nằm trong top các ngân hàng được NHNN cấp hạn mức tín dụng cao đạt 11% vào lần cấp hạn mức đầu tiên trong năm 2023. Bên cạnh đó, nhờ cơ cấu tín dụng lành mạnh cùng với hệ số CAR vững mạnh sẽ giúp ngân hàng được cấp mức tăng trưởng cao hơn trong thời gian tới. Chúng tôi dự báo trong năm 2023, tăng trưởng tín dụng của HDB sẽ ở mức 26,6%. Chúng tôi cũng dự báo tiền gửi tăng 25% YoY, giảm tỷ lệ LDR thuần còn 101,3%.
- **NIM hồi phục 24 điểm cơ bản lên 5,24%** nhờ tỷ trọng bán lẻ trong cơ cấu tín dụng ở mức cao và thanh khoản dồi dào. Tuy nhiên, chi phí vốn dự kiến vẫn sẽ duy trì ở mức cao tại 4,59% (tăng 19 điểm cơ bản so với cuối năm 2022).
- **Vốn điều lệ dự kiến sẽ tăng lên mức 29.476 tỷ đồng.** Ngân hàng đã được phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ tại ĐHCĐ 2023 bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 15% và phát hành 20 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên.
- **Thu nhập ngoài lãi dự kiến tăng 4,3%** so với năm 2022 lên mức 4.127 tỷ đồng, chủ yếu đến từ hoạt động dịch vụ với giá trị đạt 3.481 tỷ đồng (+17,7% svck).

Chi phí dự phòng và chi phí tín dụng của HDB



Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập của HDB

Đơn vị: Tỷ đồng



- **Chi phí hoạt động** dự kiến ở mức 9.828 tỷ đồng (+13,9% svck), với CIR giảm còn 37,8% so với mức 39,3% năm 2022.
- **NPL dự kiến sẽ ở mức 2,08%** do rủi ro tín dụng trong ngành gia tăng cùng với phân khúc khách hàng bán lẻ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Chúng tôi dự báo chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ở mức 3.849 tỷ đồng (+25,4% svck), đồng thời HDB sẽ dùng 66,9 tỷ đồng xóa nợ xấu (+7,7% svck), tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu dự kiến đạt mức 61,2%.
- **LNTT 2023** ước tính ở mức **12.346 tỷ đồng (+20,2% YoY)**, tương ứng ROA và ROE đạt 2,2% và 23,2%. BVPS 2023F ước tính ở mức 16.155 đồng/CP.

Định giá và khuyến nghị

- Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá theo P/B cho cổ phiếu HDB. P/B mục tiêu chúng tôi sử dụng là 1.2x (điều chỉnh giảm 25% so với mức P/B trung bình của cổ phiếu trong 5 năm gần nhất là 1.6x) do ROE trong các năm tới dự kiến sẽ sụt giảm do kết quả kinh doanh sẽ chưa thể theo kịp với tốc độ tăng vốn cũng như chi phí dự phòng gia tăng do áp lực tối từ nợ xấu. Mức định giá hợp lý của HDB năm 2023 ước tính là **19.400 đồng/cp, tiềm năng tăng giá 12,5%** so với giá hiện tại.
- Do đó chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu HDB.
- **Rủi ro giảm giá:** Tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn dự kiến.
- **Cơ hội tăng giá:** Việc hợp đồng bancassurance với Dai-ichi life đã kết thúc trong năm 2021 sẽ mở ra cơ hội cho ngân hàng có thể ký kết thỏa thuận độc quyền với một công ty bảo hiểm nhân thọ trong thời gian tới, giúp tăng thu nhập từ bancassurance và giúp ngân hàng ghi nhận thêm được một khoản phí trả trước.

PHỤ LỤC

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Bảng cân đối kế toán					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.005	2.258	2.446	2.938	4.291
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	4.504	7.788	11.848	11.273	18.720
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	24.665	44.811	55.943	49.132	54.695
Chứng khoán kinh doanh	4.643	12.478	11.198	1.798	3.232
Cho vay khách hàng	144.700	176.388	200.759	260.755	329.731
Chứng khoán đầu tư	36.042	58.237	65.513	48.789	51.560
Đầu tư dài hạn	167	154	124	144	144
Tài sản cố định	904	1.059	1.366	1.315	1.381
Tài sản Có khác	11.805	15.934	25.415	40.128	36.116
Tổng tài sản	229.477	319.128	374.612	416.273	499.870
Các khoản nợ NHNN	209	143	93	10.821	43
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	49.794	75.176	107.243	92.653	110.351
Tiền gửi của khách hàng	126.019	174.620	183.283	215.797	269.746
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	14	215	16	226	77
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	3.043	3.037	2.937	2.860	2.860
Phát hành giấy tờ có giá	25.013	34.332	42.756	44.162	60.048
Các khoản nợ khác	5.004	6.900	7.495	10.758	8.073
Tổng nợ phải trả	209.096	294.423	343.821	377.278	451.199
Vốn	11.693	16.211	20.196	25.426	29.399
Dự phòng	1.248	1.847	2.547	3.528	4.979
Chênh lệch tỷ giá	0	0	0	0	0
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	6.131	4.939	6.290	8.000	12.251
Tổng vốn chủ sở hữu	22.997	29.033	36.954	46.629	64.437
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.309	1.707	1.757	2.041	2.041
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	229.477	319.127	374.612	416.273	499.870
Tăng trưởng					
Huy động	5,6%	38,4%	8,2%	15,0%	26,9%
Tín dụng	18,8%	21,9%	14,0%	29,8%	26,6%
Tổng tài sản	6,2%	39,1%	17,4%	11,1%	20,1%
Vốn chủ sở hữu	22,0%	20,6%	26,2%	27,3%	26,2%
Thu nhập lãi thuần	27,5%	22,1%	16,8%	29,7%	21,6%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	20,6%	21,0%	21,6%	31,1%	18,5%
Chi phí hoạt động	14,4%	21,5%	3,4%	35,2%	13,9%
Lợi nhuận trước thuế	25,3%	15,9%	38,7%	27,2%	20,2%
Lợi nhuận sau thuế	25,6%	15,6%	38,9%	27,2%	20,3%
Định giá					
P/E	7,26	4,63	6,61	4,23	5,15
P/B	1,37	0,85	1,38	0,89	1,07
BVPS (VND)	19.762	14.671	14.768	14.847	16.155

Triệu đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19.618	23.137	26.176	33.323	40.479
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	-9.872	-11.240	-12.285	-15.312	-18.583
Thu nhập lãi thuần	9.747	11.898	13.891	18.012	21.895
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	791	1.088	2.128	3.308	3.918
Chi phí hoạt động dịch vụ	-196	-138	-200	-352	-437
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	596	950	1.927	2.957	3.481
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	230	168	179	134	-67
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	80	105	101	17	31
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	240	140	477	313	97
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	468	519	183	528	581
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	27	0	0	7	5
Tổng thu nhập hoạt động	11.388	13.779	16.758	21.967	26.023
Chi phí hoạt động	-5.080	-6.173	-6.383	-8.631	-9.828
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	6.307	7.607	10.375	13.336	16.195
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-1.289	-1.788	-2.306	-3.068	-3.849
Tổng lợi nhuận trước thuế	5.018	5.818	8.070	10.268	12.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-998	-1.171	-1.616	-2.059	-2.473
Lợi nhuận sau thuế	4.020	4.647	6.453	8.209	9.873
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-416	-398	-400	-460	-197
EPS	3.705	3.355	3.426	3.479	4.344

Nhu cầu vốn					
CAR	11,2%	12,1%	14,4%	13,4%	13,4%
VCSH/TTS	8,3%	7,2%	7,8%	8,9%	9,3%
Chất lượng tài sản					
NPL	1,4%	1,3%	1,7%	1,7%	2,1%
Dự phòng bao nợ xấu	81,4%	82,1%	73,0%	70,4%	61,2%
Hệ số quản lý					
CIR	44,6%	44,8%	38,1%	39,3%	37,8%
TLDP/lợi nhuận thuần từ HĐKD	11,3%	13,0%	13,8%	14,0%	14,8%
Lãi thuần trên mỗi nhân viên	808,7	966,8	1.107,8	1.345,5	1.449,1
Lợi nhuận trước thuế trên nhân viên	356,4	408,2	533,5	628,9	687,5
Lợi nhuận trên mỗi chi nhánh/PGD	37.709	44.738	50.937	63.306	71.689
Lợi nhuận					
NIM	4,74%	4,62%	4,29%	5,00%	5,24%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HĐKD	14,41%	13,66%	17,11%	18,01%	15,86%
ROA	1,80%	1,69%	1,86%	2,08%	2,16%
ROE	20,77%	20,20%	23,27%	23,49%	23,15%
Thanh khoản					
LDR	96,88%	85,34%	89,90%	101,50%	101,27%

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Nguyên tắc khuyến nghị

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Năng lượng, Xây lắp, VLXD

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Bảo hiểm, Ngân hàng

Lê Thu Huyền - Chuyên viên

Email: huyen.lethu@abs.vn

BDS Dân cư, Thép

Trần Bình Minh - Chuyên viên

Email: minh.tranbinh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên

Email: thao.nphuong@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Đỗ Thành Trung – Phó Giám đốc

Email: trung.dothanh@abs.vn

Ngân hàng, BĐS KCN, Cao su

Lê Quang Trung - Chuyên viên

Email: trung.lequang@abs.vn

Chứng khoán, Cảng biển

Trần Quang Huy, ACCA - Chuyên viên

Email: huy.tranquang@abs.vn

Hóa chất, Lương thực, Dữ liệu

Trịnh Thu Trang - Chuyên viên

Email: trang.trinhthu@abs.vn